

Số: 1222/BC-UBND

An Giang ngày 22 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Năm 2023)

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (được Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ quy định về chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo; UBND tỉnh An Giang báo cáo Văn phòng Chính phủ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2023 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: 0 thủ tục.
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: 0 thủ tục.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong kỳ tỉnh An Giang không phát sinh dự thảo văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Trong Năm 2023, tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: là 70 Quyết định (Chi tiết Phụ lục 1 kèm theo).
- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 0 văn bản.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố 419 thủ tục (bao gồm: công bố mới: 80 TTHC; Sửa đổi, bổ sung: 248 TTHC; bãi bỏ 91 TTHC); trong đó số TTHC được công khai 328 thủ tục, không công khai 91 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 1966 thủ tục; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 1962 thủ tục; số TTHC do địa phương quy định: 04 thủ tục.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023. Theo đó, tổng số TTHC phải rà theo quyết định là 26 TTHC.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện các đơn vị đã rà soát 30 TTHC (báo cáo số 802/BC-UBND ngày 20/9/2023), cụ thể:

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa: 30 TTHC.
- Số lượng TTHC giữ nguyên: 12 TTHC.
- Số lượng TTHC bãi bỏ: 5 TTHC.
- Số lượng TTHC sửa đổi bổ sung: 11 TTHC.
- Số lượng TTHC công bố mới: 2 TTHC.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận 101 phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 100; số từ kỳ trước chuyển qua: 1; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 14; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 87.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 99 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 99 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 02 PAKN (Lĩnh vực đất đai cấp tỉnh: 01, cấp huyện: 01).

b) Các cơ quan ngành dọc:

Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận 09 phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 09; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 8; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 01.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 09 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 09 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0 PAKN.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC (Các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh)

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 1.143.444, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 1.132.108 (trực tuyến: 698.388, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 433.720), số từ kỳ trước chuyển qua: 11.336.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 1.134.044; trong đó, giải quyết trước hạn: 364.856, đúng hạn: 760.560, quá hạn: 8.628.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 9.400; trong đó, trong hạn: 9.272, quá hạn: 128.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn (trước hạn + đúng hạn + đang giải quyết trong hạn): 1.134.688 hồ sơ, tỷ lệ 99,23%;

- Tỷ lệ hồ sơ quá hạn (đã trả kết quả quá hạn + đang giải quyết quá hạn): 8.756 hồ sơ, tỷ lệ 0,77%.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)

- Những trường hợp giải quyết quá hạn các đơn vị đều có thư xin lỗi, người dân và doanh nghiệp.

b) Trung tâm phục vụ hành chính công

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm 2023 là 186.863 hồ sơ, trong đó mức độ 3 là 30.727 hồ sơ chiếm 16,44%; mức độ 4 là 89.084 hồ sơ chiếm 47,67%.

- Hồ sơ năm 2022 chuyển sang: 4.985 hồ sơ.

- Tổng hồ sơ phải xử lý: 191.848 hồ sơ.

- Hồ sơ không đủ điều kiện, xin hủy: 1.080 hồ sơ.

- Tổng số hồ sơ đã xử lý và trả kết quả trong năm 2023 là 187.227 hồ sơ (trong đó, đúng hạn 187.192 hồ sơ chiếm 99,98%; trễ hạn 35 hồ sơ chiếm 0,02%).

- Hồ sơ đang giải quyết là 3.540 hồ sơ.

- Hồ sơ thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích trong năm 2023: tiếp nhận 7.073 hồ sơ và trả kết quả 44.129 hồ sơ.

c) Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 5.142.958, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 5.119.023 (trực tuyến: 3.665.678, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 1.453.345); số từ kỳ trước chuyển qua: 23.935.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 5.123.526; trong đó, giải quyết trước hạn: 1.809.793, đúng hạn: 3.313.385, quá hạn: 348.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 14.949; trong đó, trong hạn: 14.949, quá hạn: 0.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn (trước hạn + đúng hạn + đang giải quyết trong hạn): 5.138.127 hồ sơ, tỷ lệ 100%;

- Tỷ lệ hồ sơ quá hạn (đã trả kết quả quá hạn + đang giải quyết quá hạn): chiếm: 0%.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

a) Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

- Thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Trong năm 2018, UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 06/9/2018 về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Đến nay trên địa bàn tỉnh An Giang đã hoàn thành việc kiện toàn 100% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã, trong đó bao gồm cả TTPVHHC của tỉnh¹.

- Thực hiện quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (gọi tắt là Đề án). Trong năm 2021, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 12/5/2021 triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng Chính. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án và đến nay 11/11 UBND cấp huyện cơ bản đã xây dựng và ban hành kế hoạch theo đúng yêu cầu của Thủ tướng và các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị

¹ Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang.

định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Năm 2023 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND về Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023 trên địa bàn tỉnh An Giang. Theo đó, UBND tỉnh chỉ đạo:

+ Giao Sở Thông tin và Truyền thông, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cấp tỉnh; UBND cấp huyện chịu trách nhiệm đẩy mạnh triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cấp huyện; cấp xã;

+ Các đơn vị thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động trung bình trong việc giải quyết thủ tục hành chính thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xã hội hóa một số công việc trong quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã (01 nhân sự trực tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh, cấp huyện trong 01 năm lên mức tối thiểu 7.920 hồ sơ; 01 nhân sự trực tại Bộ phận Một cửa cấp xã trong 01 năm lên mức tối thiểu 5.280 hồ sơ).

+ Chỉ đạo các đơn vị trang bị thiết bị đọc mã QR/thiết bị đọc chip điện tử trên thẻ căn cước công dân phục vụ việc tiếp nhận thủ tục hành chính đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (Theo phân cấp ngân sách).

+ UBND tỉnh giao chỉ tiêu cho các đơn vị triển khai thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Đầu năm 2023 UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc số hóa hồ sơ, ký số kết quả thủ tục hành chính theo các quyết định của UBND tỉnh đã ban hành, cụ thể:

+ Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 về Ban hành danh mục thủ tục hành chính bắt buộc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử cho tổ chức, cá nhân.

+ Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 về ban hành danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện theo Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Công văn số 366/UBND-TH ngày 15/4/2022.

b) Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa; danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh

Đến nay, UBND tỉnh đã công bố danh mục với 100% TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa đảm bảo đúng quy định tại Điều 14 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/04/2018 của Văn phòng Chính phủ và danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

Trong Năm 2023, UBND tỉnh đã công bố 70 Quyết định về công bố danh mục TTHC: ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của một số cơ quan, đơn vị (*Phụ lục 1*); 29 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các đơn vị (*Phụ lục 2*); 01 Quyết định về ủy quyền giải quyết TTHC.

c) Tình hình, kết quả thực hiện đánh giá về việc giải quyết TTHC

UBND tỉnh đã tổ chức triển khai việc đánh giá theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh hàng tháng giúp UBND tỉnh công khai kết quả đánh giá các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

d) Tình hình, kết quả đề xuất các TTHC thực hiện liên thông

Hiện nay tỉnh An Giang vẫn đang thực hiện Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về công bố danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

- Liên thông giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh với 85 thủ tục (các cơ quan ngành dọc 05 thủ tục).
- Liên thông cùng cấp với 140 thủ tục:
 - + Cấp tỉnh với 103 thủ tục.
 - + Cấp huyện với 31 thủ tục.
 - + Các cơ quan ngành dọc với 06 thủ tục.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

a) Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về

thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tái cấu trúc quy trình TTHC, UBND tỉnh đã ban hành Danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang tại Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/9/2021; Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 về công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần và lộ trình tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 phê duyệt danh mục DVCTT bắt buộc trả kết quả bản điện tử (với 2.121 TTHC); Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 ban hành danh mục TTHC có thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa (với 1.766 TTHC). Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã cung cấp đầy đủ danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh và một phần theo các quyết định đã công bố.

Bên cạnh đó, Cổng dịch vụ công trực tuyến cung cấp giao diện cho thiết bị di động để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dichvucong.angiang.gov.vn/dichvucong/hoidap>, tiếp nhận phản ánh kiến nghị thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua kênh tương tác Zalo, liên hệ trực tiếp. Đã triển khai hệ thống trả lời tự động (Chatbot) cho người dân trên Cổng Dịch vụ công tỉnh An Giang nhằm giải đáp thắc mắc của người dân liên quan đến các TTHC cũng như DVC mà tỉnh đang cung cấp.

Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thực hiện kết nối với các hệ thống của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPOST) thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý; Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý.

Kết nối với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thông qua VietinBank, kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến Payment Platform của Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với các phần mềm ứng dụng chuyên ngành trong nội bộ tỉnh:

- Phần mềm đăng ký hộ kinh doanh cá thể (Sở KHĐT);
- Phần mềm quản lý TTHC ngành Tài nguyên môi trường;

- Kết nối liên thông giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với phần mềm, hệ thống quản lý chuyên ngành của các Bộ, ngành, Trung ương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cụ thể:

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (phần mềm cấp phiếu lý lịch Tư pháp, Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý Hộ tịch: Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử, Đăng ký kết hôn),

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá).

+ Phần mềm chuyên ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHXH).

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Kế hoạch đầu tư (thực hiện kết nối CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp).

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua).

+ Kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an (ngày 11/12/2022).

+ Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phần mềm VBDLIS).

+ Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov).

+ Ngoài ra, Bộ Giao thông Vận tải đã có Văn bản số 7538/BGTVT-TTCNTT ngày 03/8/2020 về hướng dẫn triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh An Giang giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam hướng dẫn kết nối tích hợp, đồng bộ trạng thái giữa Hệ thống dịch vụ công đối Giấy phép lái xe với Cổng dịch vụ công tỉnh An Giang. Việc kết nối, liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc CPĐT Việt Nam.

b) Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan, địa phương còn hiệu lực và tình hình, kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch đã ban hành.

Trên cơ sở triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 03/03/2021 về Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh An Giang, đảm bảo 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa khi dự án kết thúc.

UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các đơn vị, lập dự toán kinh phí cho việc nâng cấp để đáp ứng yêu cầu về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT

này 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0) để trình UBND tỉnh xin chủ trương bố trí kinh phí để thực hiện.

UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương kết thúc triển khai thử nghiệm “Hệ thống số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC” trên địa bàn tỉnh An Giang và giao Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh triển khai chính thức trong thời gian tới (Tại văn bản số 5010/VPUBND-KGVX ngày 15/9/2023).

Đối với dự án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 cần phải điều chỉnh để đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Văn phòng Chính phủ.

Trong năm 2023 (từ ngày 15/12/2022 đến 14/12/2023), UBND tỉnh đã thống kê trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, tỷ lệ số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận: **34,96%**; tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ: **21,32%**, cụ thể:

Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận:

Số hồ sơ Tiếp nhận: 634.449 hồ sơ;

Số hồ sơ chưa số hoá TPHS: 373.032 hồ sơ;

Số hồ sơ có số hoá thành phần HS: 261.417 hồ sơ;

Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ: 221.830 hồ sơ;

Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận: **34,96%**.

Số hoá kết quả giải quyết TTHC:

Số hồ sơ đã giải quyết: 660.410 hồ sơ;

Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC: 519.588 hồ sơ;

Số hồ sơ có số hoá kết quả: 140.822 hồ sơ;

Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ: **21,32%**.

c) Tình hình tích hợp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tính đến nay, đã thực hiện đồng bộ, tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (1.467 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỉ lệ 100% theo Quyết định 2042/QĐ-UBND và Quyết định 2856/QĐ-UBND.

- Kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang đã kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào **ngày 11/12/2022**.

Đã thực hiện kết nối, tích hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 8/25 dịch vụ công thiết yếu nêu trên vào bước tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra danh tính công dân, tự động điền thông tin công dân vào biểu mẫu thông tin người nộp hồ sơ và hiển thị 20 trường thông tin công dân trên hệ thống khi kiểm tra có dữ liệu trong CSDL quốc gia về dân cư.

d) Triển khai tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 25 dịch vụ công thiết yếu theo Phụ lục 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã triển khai 8/25 dịch vụ công thiết yếu:

(1) Đăng ký khai sinh;

(2) Đăng ký khai tử;

(3) Đăng ký kết hôn;

(4) Triển khai nhóm thủ tục hành chính liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi;

(5) Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất do thay đổi thông tin người được cấp giấy chứng nhận (đổi giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ);

(6) Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng (Thực hiện tiếp nhận và xử lý trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống phần mềm chuyên ngành của Bộ giáo dục và Đào tạo);

(7) Cấp phiếu lý lịch tư pháp;

(8) Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (Thực hiện tiếp nhận và xử lý trên Cổng dịch vụ công Quốc gia).

- Đối với 17/25 dịch vụ công thiết yếu còn lại đang được triển khai trên phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành trung ương triển khai xuống địa phương nên sẽ do Bộ, ngành trung ương thực hiện kết nối, tích hợp với CSDL quốc gia về dân cư.

- Thực hiện kết nối liên thông 2 nhóm dịch vụ công liên thông:

(1) Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi và (2) Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú – Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng trên địa bàn tỉnh An Giang. **Ngày 17/6/2023** đã hoàn thành kết nối với các API kết nối, chia sẻ dữ liệu và gửi về Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Bộ Công an để thực hiện đánh giá an toàn an ninh thông tin trước khi được triển khai vận hành trên hệ thống chính thức.

đ) Triển khai thanh toán trực tuyến (thống kê trên cổng DVC quốc gia tại

địa chỉ: <https://quantri.dichvucong.gov.vn/>)

- Đối với phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính trong năm 2023: Tổng số giao dịch thành công là 80.077 lượt giao dịch, với tổng số tiền thu được: **2.138.432.500** đồng.

- Đối với nghĩa vụ tài chính về thu thuế đất: Tổng số giao dịch thành công là 9.408 lượt giao dịch, với tổng số tiền thu được: **48.739.397.619** đồng.

e) Tập huấn, bồi dưỡng

- UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn thực hiện 2 nhóm dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí” theo hình thức trực đến điểm cầu 11 huyện, thị, thành phố; kết nối đến Tổ Công nghệ số cộng đồng 156 xã, phường, thị trấn và khóm, ấp trên địa bàn tỉnh (ngày 28/7/2023).

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức tập huấn cung cấp các kiến thức, kỹ năng nộp hồ sơ, tiếp nhận và xử lý hồ sơ ngành lao động, thương binh và xã hội thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo đúng quy định cho 341 là công chức phụ trách giải quyết TTHC ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (ngày 08/12/2023).

- Tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn xây dựng biểu mẫu điện tử khai thác (sử dụng lại) thông tin cư trú của người dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang cho hơn 40 cán bộ, công chức phụ trách công tác kiểm soát TTHC, phụ trách công nghệ thông tin, quản trị Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại cơ quan, địa phương.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch tuyên truyền Cải cách thủ tục hành chính năm 2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị triển khai có hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng² (với 6.517 thành viên) tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến mà tỉnh cung cấp. Đồng thời đưa nền

² Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt Kế hoạch tổ chức triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang (11/11 huyện thành lập Tổ CNSCĐ với tổng cộng 6.517 thành viên; trong đó, Tổ cấp phường/xã: 156 tổ với 1.609 thành viên; Tổ cấp khóm/ấp: 731 tổ với 4.908 thành viên).

tăng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng để thúc đẩy công nghệ số, đưa người dân lên môi trường số, người dân tiên phong sử dụng nền tảng số, công nghệ số, qua đó, trở thành tác nhân thúc đẩy chính quyền công nghệ số mạnh mẽ hơn.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thiết lập kênh tuyên truyền cải cách TTHC, kiểm soát TTHC trên các trang mạng xã hội (Zalo OA, Fanpage Facebook, Youtube ...) lồng ghép tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên mạng xã hội và cổng thông tin điện tử.

- Các đơn vị tăng cường công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC dưới nhiều hình thức, như: Đăng tin bài về hoạt động kiểm soát TTHC; phổ biến kịp thời các nội dung công tác chỉ đạo, điều hành về hoạt động kiểm soát TTHC trên Cổng Thông tin điện tử; Tạo file hướng dẫn, tạo tài khoản giúp người dân, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp cách nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia liên kết với cổng dịch vụ công của tỉnh, đăng trên Cổng thông tin của cơ quan.

- Trong kỳ, Sở Tư pháp đã biên soạn và phát hành 6.000 (bản) Tờ gấp Hướng dẫn đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến cho Trung tâm phục vụ hành chính Công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

- UBND tỉnh xây dựng clip ngắn, phóng sự đăng tải trên các nền tảng và đài truyền hình của tỉnh để tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện 02 nhóm TTHC liên thông theo Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08/7/2023 của Chính Phủ.

- Giao cơ quan chuyên môn và UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ sở giáo dục, trường THPT, trường Trung học cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý, định kỳ tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích được cơ quan hành chính nhà nước cung cấp; lồng ghép vào các tiết học môn Tin học, hướng dẫn học sinh khai thác thông tin, Dịch vụ công quốc gia, Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh trên môi trường mạng, lợi ích của Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính. Đồng thời, Phát động mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là 01 tuyên truyền viên, tuyên truyền về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 (DVCTT toàn trình, một phần), thanh toán trực tuyến,...

- Tỉnh đã triển khai hệ thống trả lời tự động (Chatbot) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhằm hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp cho người dân liên quan đến các TTHC cũng như DVC mà tỉnh đang triển khai.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC:

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm soát thủ tục hành chính cũng như

công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh trong Năm 2023, các đơn vị đã triển khai một số mô hình như sau:

- UBND huyện Phú Tân: thực hiện mô hình “Tổ liên gia Chuyển đổi số”: Mục đích mỗi hộ gia đình có ít nhất từ 1-2 công dân số. Cụ thể, mỗi Ấp thành lập kết nối “Tổ tự quản với 30 hộ thành viên” được tập huấn, hướng dẫn và hỗ trợ tạo tài khoản dịch vụ công, nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu hồ sơ, thủ tục hành chính khác, thanh toán trực tuyến... Các nhóm này sẽ được nhân rộng thành nhiều nhóm và gắn kết tuyên truyền về TTHC, nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến, sử dụng tài khoản Vneid để xuất trình khi có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính.

- UBND huyện Thoại Sơn: Tiếp tục duy trì và triển khai cho Đoàn viên, thanh niên thị trấn hỗ trợ đồng bào dân tộc khmer thực hiện các thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Trả kết quả ngay và tặng quà cho người dân khi làm thủ tục hành chính vào các ngày lễ trong năm; Triển khai mô hình “Vì dân phục vụ tận tụy, hết lòng, dân đến hài lòng, dân về nhớ mãi” và mô hình “Thư chúc mừng và thư chia buồn”.

- Hỗ trợ người dân chuẩn hóa thông tin thuê bao điện thoại di động thúc đẩy DVCTT, hỗ trợ triển khai Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang. Theo đó đã hỗ trợ người dân chuẩn hóa thông tin thuê bao điện thoại di động thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ triển khai Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang. Đến nay, tổng số thuê bao được hỗ trợ là: 190.934 thuê bao trên tổng số 221.195 thuê bao có thông tin chưa chính xác, thuộc diện phải chuẩn hóa.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Trong năm 2023, UBND tỉnh thực hiện kiểm tra trực tiếp và gián tiếp của 07 đơn vị, địa phương gồm: 03 đơn vị cấp tỉnh (kiểm tra trực tiếp Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và kiểm tra gián tiếp bằng báo cáo đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông); 02 đơn vị cấp huyện; 02 xã, phường, thị trấn (kiểm tra trực tiếp huyện Châu Thành và thị trấn Vĩnh Bình, huyện Châu Thành; kiểm tra gián tiếp bằng báo cáo đối với huyện Thoại Sơn và xã Định Thành, huyện Thoại Sơn). Bên cạnh những kết quả đạt được của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra thì vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Thông qua đó, đoàn kiểm tra của tỉnh cũng trao đổi, hướng dẫn các đơn vị các công việc cần làm để khắc phục các tồn tại, hạn chế mà đoàn kiểm tra đã nêu ra.

12. Nội dung khác

a. UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình xây dựng biểu mẫu điện tử đã đảm bảo giảm ít 20% các thông tin không phải khai báo lại khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Đến nay đã thực hiện được 84 dịch vụ công trực tuyến đối với các dịch vụ công theo Công văn số 4364/CAT-PC06 ngày 11/9/2023 của tỉnh gửi Bộ Công

an về rà soát, thống kê các thủ tục hành chính liên quan đến thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b. Có cơ chế, chính sách phù hợp, bảo đảm bố trí đầy đủ nhân lực, kinh phí hàng năm cho việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, hoàn thành các mục tiêu theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- Chính sách, nhân lực phục vụ **công tác cải cách thủ tục hành chính**: trong thời gian qua UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 24/2020/QĐ-UBND, theo đó quy định số lượng cán bộ đầu mỗi kiểm soát thủ tục hành chính tại các đơn vị và địa phương với tổng số 426 người của 194 đơn vị (20 cơ quan thuộc UBND tỉnh; 11 UBND huyện, thị xã, thành phố; 156 xã, phường, thị trấn và 07 cơ quan ngành dọc), cụ thể lãnh đạo là 232 người chiếm tỷ lệ 54.46% và chuyên viên 194 người chiếm tỷ lệ 45.54%; tại Văn phòng UBND tỉnh bố trí 02 nhân sự giúp Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Công chức được phân công làm đầu mỗi kiểm soát thủ tục hành chính của các cơ quan đơn vị được hỗ trợ 440.000 đồng/tháng (theo Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 31/7/2023); Bồi dưỡng: Hàng năm Tỉnh tổ chức tập huấn các nội dung như: về nghiệp vụ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa một cửa liên thông; Về cải cách hành chính³: 390 lượt người.

- Nhân lực phục vụ **chuyển đổi số**: Bồi dưỡng: Hàng năm Tỉnh tổ chức tập huấn các nội dung về chuyển đổi số⁴: 1420 lượt người.

- **Bố trí kinh phí năm 2023, 2024 và các năm tiếp theo** cho việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số:

+ **Vốn đầu tư**: Giai đoạn 2021 – 2025, nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh bố trí vốn triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số với tổng vốn đầu tư là 318.095 triệu đồng (Công tác bảo vệ môi trường thực hiện 02 dự án với tổng vốn bố trí là 52.380 triệu đồng; Lĩnh vực Công nghệ thông tin thực hiện 12 dự án với tổng vốn bố trí là 265.715 triệu đồng).

+ **Vốn sự nghiệp bố trí năm 2023 và dự toán năm 2024**: *Kinh phí đối với Đề án 06/CP* (năm 2023 đã bố trí: 2.939 triệu đồng; năm 2024 dự kiến bố trí: 1.245 triệu đồng); *Kinh phí đối với thực hiện chuyển đổi số* (năm 2023 đã bố trí: 31.268 triệu đồng; năm 2024 dự kiến bố trí: 20.168 triệu đồng); *Kinh phí đối với*

³ Bồi dưỡng kỹ năng thực thi công vụ; ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; hội nhập quốc tế; và nâng cao hiệu quả trong công tác cải cách hành chính theo vị trí việc làm;

⁴ Kỹ năng ứng phó với những thách thức mới và chuyển đổi số; đảm bảo An toàn thông tin, an toàn dữ liệu tại cơ quan; đảm bảo an toàn về An toàn thông tin của người dùng, khai thác và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tập huấn thông tin cho Đoàn thể chính trị - xã hội về chính phủ số, kinh tế số, công dân điện tử; Kỹ năng viết tin, bài, biên tập tin cho biên tập các trang thông tin của các sở, ngành và địa phương; ...

cải cách hành chính (năm 2023 đã bố trí: 1.764 triệu đồng; năm 2024 dự kiến bố trí: 1.414 triệu đồng).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong Năm 2023, UBND tỉnh An Giang nhận thấy một số thuận lợi và khó khăn khi triển khai thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính như sau:

a. Thuận lợi:

- Hiện nay, công tác cải cách hành chính nói chung và kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính nói riêng được sự quan tâm chỉ đạo từ Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh nên đã tạo ra bước chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Một số bộ, ngành công khai thủ tục hành chính kèm Quyết định công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc công bố danh mục và tích hợp, công khai thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia.

b. Khó khăn:

- Một số lĩnh vực thực hiện tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công của Bộ, ngành TW nên công tác báo cáo, chỉ đạo điều hành của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn như: Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội, lĩnh vực kế hoạch và đầu tư và các lĩnh vực thuộc ngành Công an,... chưa kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh do đó khó khăn trong công tác quản lý, theo dõi, giám sát và tổng hợp báo cáo.

- Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích để thực hiện các giao dịch hồ sơ thủ tục hành chính mặc dù đã có sự chuyển biến rõ nét trong thời gian gần đây nhưng hiệu quả vẫn còn chưa cao, số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức trực tiếp vẫn chiếm đa số trong tổng số lượng hồ sơ giao dịch; Tỷ lệ người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (một phần, toàn trình) chưa cao nguyên nhân do người dân còn hạn chế trong việc áp dụng CNTT trong gửi hồ sơ điện tử, đồng thời đa số người dân sử dụng SIM điện thoại chưa chính chủ nên khó khăn trong quá trình đăng ký, đăng nhập để nộp hồ sơ trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Tỷ lệ hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cơ bản đáp theo tỷ lệ được giao, tuy nhiên đa phần người dân An Giang chủ yếu làm nông nghiệp. Do đó về nhận thức, điều kiện tiếp cận các thông tin tuyên truyền của chính quyền địa phương còn hạn chế nên vẫn còn thói quen thích đến nộp hồ sơ trực tiếp hơn là nộp trực tuyến. Từ đó, gây áp lực rất lớn cho cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa (phải làm thay người dân để đơn vị đạt tỷ lệ được cấp trên giao)

- Công tác Chứng thực bản sao điện tử ở Bộ phận một cửa các cấp tỷ lệ còn rất thấp, nguyên nhân chủ yếu do người dân chưa nhận thức được lợi ích trong tương lai.

- Việc số hóa hồ sơ đầu vào tại Bộ phận một cửa các cấp vẫn còn thấp so với hồ sơ tiếp nhận, một phần do các đơn vị chưa quan tâm đầu tư, bố trí trang thiết bị phục vụ công tác số hoá.

- Về thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích đã được người dân đón nhận nhưng kết quả chưa cao.

- Đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện kiểm soát TTHC phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ và cũng được thay đổi thường xuyên do công tác cán bộ nên việc cập nhật đôi khi còn chậm trễ.

- Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận “Một cửa” không còn, do đó chưa động viên kịp thời tinh thần trách nhiệm làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

Theo dõi, đôn đốc bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/04/2022; các nội dung theo Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 về tiếp tục đẩy mạnh giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Ban hành Kế hoạch hoạt động tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tiếp tục rà soát đánh giá và tái cấu trúc toàn bộ quy trình nghiệp vụ các dịch vụ công trực tuyến đã cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo hướng thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm; tiếp tục rà soát cắt giảm ít nhất 20% các thông tin phải khai báo khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo đúng Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày

23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong sổ hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Quyết định số 468/QĐ-TTg.

Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ trong việc triển khai thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 về đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Chỉ đạo các đơn vị khẩn trương, nghiêm túc thực hiện các nội dung tại Công điện 644/CD-TTg ngày 13/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Quyết định 933/QĐ-TTg ngày 06/08/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để thực hiện tốt và đẩy mạnh hơn nữa việc kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương, UBND tỉnh An Giang có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Chính phủ

Tại điểm b, khoản 1, Điều 80 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quy định thời gian cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng là ngày (tính cả ngày nghỉ, lễ, tết). Nhưng hiện tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước làm việc một tuần có 05 ngày (nghỉ thứ bảy, chủ nhật), gặp khó khăn khi tính thời gian giải quyết TTHC và việc đồng bộ trên hệ thống dịch vụ công quốc gia (tính ngày) và hệ thống dịch vụ công của tỉnh (tính ngày làm việc). Do đó, đề nghị nên thống nhất thời gian giải quyết thủ tục hành chính là ngày làm việc, để việc đồng bộ kết quả giải quyết TTHC từ Cổng dịch vụ công Quốc gia và Cổng dịch vụ công tỉnh đảm bảo chính xác số liệu đã thực hiện, và đặc biệt phù hợp Luật lao động năm 2019.

Trước đó UBND tỉnh An Giang có kiến nghị gửi Bộ, ngành Trung ương và Bộ Xây dựng trả lời tại Văn bản số 5502/BXD-HĐXD ngày 30/11/2023 về việc giải quyết những đề, kiến nghị của địa phương về cải cách TTHC, trong đó Bộ Xây dựng có ý kiến: “Bộ Xây dựng cũng như các địa phương là một trong những cơ quan giải quyết các thủ tục hành chính, do đó cũng nhận thấy bất cập trong quá trình giải quyết TTHC theo tiến độ tính bằng “ngày” đặc biệt quá trình giải quyết TTHC trùng với thời điểm nghỉ lễ, tết, cuối tuần. Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã lưu ý “*Khi quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính thì cần quy định thống*

nhất về thời gian là “ngày” hoặc “ngày làm việc”. Theo đó, “ngày” là đơn vị chỉ thời gian (kể ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định), “ngày làm việc” là đơn vị chỉ thời gian làm việc của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính (không kể ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định). Đối với thủ tục hành chính có thời hạn giải quyết dưới 7 ngày thì quy định là “ngày làm việc”, đối với thủ tục hành chính có quy định thời hạn giải quyết trên 7 ngày thì quy định là “ngày” để đảm bảo thống nhất trong quá trình quy định và thực hiện thủ tục hành chính”.

Tuy nhiên địa phương nhận thấy ý kiến trả lời chưa thật sự phù hợp với thực tế hiện nay, vì đa số TTHC có thời gian giải quyết trên 10 ngày, giả sử nếu tiếp nhận các hồ sơ cận ngày nghỉ, lễ, tết nguyên thì các hồ sơ tiếp nhận vừa nêu sẽ không kịp thời gian giải quyết và đồng nghĩa với hồ sơ đó trễ hẹn. Vì vậy để thống nhất thời gian giải quyết TTHC là **ngày làm việc**, UBND tỉnh An Giang kiến nghị Chính phủ quan tâm, có ý kiến chỉ đạo để đảm bảo phù hợp với các quy định khác về thời gian làm việc của cán bộ, công chức (hiện tại cán bộ, công chức chỉ làm việc 5 ngày trong một tuần, nghỉ ngày thứ bảy và chủ nhật).

2. Bộ Công Thương

Căn cứ tại điểm 1; khoản I; mục B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh; phần II. Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương ban hành kèm theo Quyết định số 668A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Theo đó, trình tự thực hiện thủ tục “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện” theo quy trình thực hiện như sau:

- + Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (05 ngày làm việc).
- + Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở (15 ngày làm việc).
- + Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở.
- + Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.
- + Cấp Giấy chứng nhận (05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”).

Tổng theo thời gian theo quy trình là 25 ngày làm việc, tuy nhiên tại mục Cách thức thực hiện quy định thời hạn giải quyết theo Quyết định số 668A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công Thương chỉ ghi là: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.

Vì vậy, An Giang kiến nghị điều chỉnh lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục hành chính Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện là 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Nhằm đẩy mạnh việc thực hiện việc số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét hướng dẫn việc cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ điện tử (không sử dụng phôi bằng như hiện tại).

- Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét đưa ra khỏi danh mục TTHC được công bố theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP thành các TTHC nội bộ, lý do: một số TTHC không liên quan đến người dân, tổ chức, ví dụ: Thủ tục cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục.

- Kiến nghị sớm ban hành quyết định bãi bỏ thủ tục “Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ” tại Quyết định số 108/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2021 về công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lý do: thủ tục “Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ” đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố là **thủ tục hành chính nội bộ** theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023.

- Xem xét ban hành văn bản quy định mẫu tờ khai đối với thủ tục chuyển trường và thủ tục điều chỉnh/cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ (Thành phần hồ sơ theo Văn bản QPPL có quy định, thực tế có phát sinh hồ sơ nhưng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định mẫu đơn, tờ khai).

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện những nhiệm vụ: Làm sạch dữ liệu đất đai, thông tin nhà ở trong Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; Hướng dẫn địa phương rà soát toàn bộ các hệ thống bản đồ hành chính quốc gia; Hướng dẫn việc cấp bản điện tử kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với lĩnh vực đất đai

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Qua một số khó khăn trong việc chưa thống nhất thời hạn giải quyết TTHC là “ngày” và “ngày làm việc” nêu trên, kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT thống nhất cách tính thời hạn giải quyết TTHC là “ngày làm việc” để địa phương thuận tiện trong việc xây dựng quy trình nội bộ, áp dụng thực hiện trên cổng dịch vụ công tỉnh, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

6. Văn phòng Chính phủ

- Hướng dẫn rõ thêm về đánh giá các chỉ số theo Quyết định số 766/QĐ-

TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện và hướng dẫn các đơn vị cấp dưới, quan tâm hướng dẫn vụ thể tiêu chí thành phần đánh giá về “*Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia*”.

- Có hướng dẫn chi tiết để địa phương ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền của tỉnh ban hành cơ chế, chính sách, bố trí nhân lực, kinh phí hàng năm cho việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, hoàn thành các mục tiêu theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Kiến nghị Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, có giải pháp tháo gỡ cho địa đối với thời gian giải quyết các TTHC liên quan đến lĩnh vực An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp), lý do: Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện (không trả hồ sơ) các cơ quan chuyên môn của tỉnh yêu cầu các tổ chức, cá nhân khắc phục trong thời gian 60 ngày, tuy nhiên so với tổng thời gian quyết TTHC được công bố thì sẽ tính hồ sơ quá hạn theo cách tính được quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Theo Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục DVC trực tuyến tích hợp, cung cấp trên DVC quốc gia năm 2021 thì thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai cho doanh nghiệp sẽ được triển khai trong quý III/2021, tuy nhiên hiện nay chưa được triển khai thực hiện. Đề nghị Văn phòng Chính phủ sớm triển khai thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai cho doanh nghiệp.

- Cổng dịch vụ công quốc gia xây dựng chức năng và phân quyền cho địa phương có thể truy xuất các dữ liệu, số liệu thống kê theo các chỉ số đánh giá theo thời gian thực (Quyết định 766/QĐ-TTg) để thuận lợi cho địa phương có thể chủ động đối chiếu các số liệu đồng bộ giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ tốt công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành tại địa phương.

- Hệ thống báo cáo Chính phủ:

+ Kiến nghị bãi bỏ mẫu số II.08/VPCP/KSTT về tình hình triển khai thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của bộ, cơ quan, địa phương trong thông tư 01/2020/TT-VPCP. Nguyên nhân: Hiện nay, tất cả các dịch vụ đã được tích hợp và đồng bộ theo thời gian thực với Cổng dịch vụ công quốc gia.

+ Kiến nghị xem xét sự cần thiết hoặc sửa đổi mẫu báo cáo số II.07b/VPCP/KSTT (bỏ phần II) “KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH, HUYỆN”. Lý do: Hiện nay đang đẩy mạnh triển khai thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính.

+ Bổ sung tính năng thống kê số liệu của từng sở, ngành và UBND các huyện như Phụ lục 4 kèm theo báo cáo đề hỗ trợ địa phương trong theo dõi, chỉ đạo và đánh giá công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh.

+ Sớm ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 về quy định về chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo và xây dựng các mẫu báo cáo trên hệ thống báo cáo để kịp thời cập nhật các chế độ báo cáo hàng tháng theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 131/NQ-CP, Công điện 933/CD-TTg và Chỉ thị số 27/TC-TTg.

- Đối với báo cáo thống kê chứng thực điện tử (địa chỉ: <https://quantri.dichvucong.gov.vn>) đề nghị bổ sung chi tiết số lượng hồ sơ thực hiện chứng thực điện tử của mỗi đơn vị (Phòng Tư pháp và UBND các xã, thị trấn) để phục vụ tốt hơn cho việc thống kê, báo cáo.

- Đôn đốc các Bộ, ngành, Trung ương sớm ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình để địa phương triển khai thực hiện đảm bảo theo Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 về tiếp tục đẩy mạnh giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Thường xuyên tổ chức Tập huấn trực tiếp nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính cho địa phương, trong đó quan tâm tập huấn các nội dung mới theo Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các văn bản có liên quan đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính cũng như công tác cải cách thủ tục hành chính.

UBND tỉnh An Giang kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh An Giang (đăng tải B/C);
- Lưu VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước

PHỤ LỤC 1**Các quyết định Công bố danh mục TTHC**

(Kèm theo Báo cáo số 1222/BC-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

2. Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

3. Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Trẻ em thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

4. Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

5. Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

6. Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

7. Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang;

8. Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

9. Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang;

10. Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

11. Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

12. Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

13. Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

14. Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

15. Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

16. Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

17. Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

18. Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực

vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

19. Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

20. Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

21. Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 27/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

22. Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 11/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

23. Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 06/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

24. Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 31/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

25. Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 31/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang;

26. Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 31/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính hành chính ban hành mới; sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

27. Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 29/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

28. Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 24/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

29. Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

30. Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 17/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh về cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Ngoại vụ;

31. Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 15/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

32. Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 15/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

33. Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 04/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

34. Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 04/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

35. Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 04/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

36. Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 31/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

37. Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 19/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

38. Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 14/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng;

39. Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 11/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

40. Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

41. Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ;

42. Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

43. Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

44. Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 21/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

45. Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 20/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

46. Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 15/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

47. Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 12/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Điện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

48. Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 12/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới về thu thập, quản lý, khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

49. Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 02/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

50. Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 31/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

51. Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 29/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

52. Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 29/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

53. Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19;

54. Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

55. Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

56. Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 08/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

57. Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

58. Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 21/04/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

59. Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 30/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý cạnh tranh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

60. Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 30/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

61. Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 23/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

62. Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

63. Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

64. Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 07/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

65. Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 03/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực

Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử; Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

66. Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 02/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ; thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

67. Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

68. Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

69. Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

70. Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp;

PHỤ LỤC 2**Các quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC**

(Kèm theo Báo cáo số 1222/BC-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

2. Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

3. Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

4. Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

5. Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

6. Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

7. Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

8. Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

9. Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải của Sở Y tế tỉnh An Giang;

10. Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 26/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

11. Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 19/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh về cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Ngoại vụ;

12. Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 14/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp;

13. Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 12/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giám định tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

14. Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 11/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

15. Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 31/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

16. Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 22/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính mới thu thập, quản lý, khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

17. Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 22/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh

vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

18. Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 17/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang;

19. Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 15/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

20. Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 15/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nhà ở và công sở; lĩnh vực thí nghiệm; lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

21. Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 12/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

22. Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực điện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

23. Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 24/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải áp dụng tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh;

24. Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

25. Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 21/04/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

26. Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 21/04/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý cạnh tranh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

27. Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 30/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Hóa chất thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

28. Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 23/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

29. Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc Phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

PHỤ LỤC 3**Thông kê các đơn vị gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ**

(Kèm theo Báo cáo số 1222/BC-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

STT	Đơn vị	Đánh giá tiến độ	Thực hiện ký số	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
CẤP TỈNH				
1	Sở Công Thương	Trước hạn	Đã ký số	x
2	Sở Giao thông vận tải	Trước hạn	Đã ký số	x
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Trước hạn	Đã ký số	x
4	Sở Khoa học và Công nghệ	Trước hạn	Đã ký số	x
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trước hạn	Đã ký số	x
6	Sở Y tế	Trước hạn	Đã ký số	x
7	Ban Quản lý Khu kinh tế	Trước hạn	Đã ký số	x
8	Sở Ngoại vụ	Trước hạn	Đã ký số	x
9	Thanh tra tỉnh	Trước hạn	Đã ký số	x
10	Sở Nội vụ	Đúng hạn	Không ký số	x
11	Sở Tư pháp	Đúng hạn	Không ký số	x
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đúng hạn	Đã ký số	x
13	Sở Tài chính	Đúng hạn	Đã ký số	x
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đúng hạn	Đã ký số	x
15	Sở Xây dựng	Đúng hạn	Đã ký số	x
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đúng hạn	Đã ký số	x
17	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đúng hạn	Đã ký số	x
18	Sở Thông tin và Truyền thông	Quá hạn	Không ký số	x
19	Ban Dân tộc	Quá hạn	Không ký số	x
NGÀNH DỤC				
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy

STT	Đơn vị	Đánh giá tiến độ	Thực hiện ký số	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
2	Hải quan tỉnh An Giang			Báo cáo giấy
3	Cục thuế tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
4	Công an tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
5	Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
6	Ngân hàng nhà nước chi nhánh An Giang			0
7	Ngân hàng chính sách xã hội			0
8	Ngân hàng phát triển Việt Nam			0
CẤP HUYỆN				
1	UBND huyện Châu Phú	Đúng hạn	Đã ký số	x
2	UBND huyện Phú Tân	Đúng hạn	Đã ký số	x
3	UBND thị xã Tịnh Biên	Đúng hạn	Đã ký số	x
4	UBND huyện Thoại Sơn	Trước hạn	Đã ký số	x
5	UBND thành phố Châu Đốc	Đúng hạn	Đã ký số	x
6	UBND huyện An Phú	Trước hạn	Đã ký số	x
7	UBND huyện Châu Thành	Đúng hạn	Đã ký số	x
8	UBND thị xã Tân Châu	Đúng hạn	Đã ký số	x
9	UBND huyện Chợ Mới	Trước hạn	Đã ký số	x
10	UBND huyện Tri Tôn	Đúng hạn	Đã ký số	x
11	UBND thành phố Long Xuyên	Đúng hạn	Không ký số	x

Ghi chú:

- x: đã thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC và thực hiện nghiêm túc chế độ, thông tin báo cáo theo quy định (đủ điều kiện hỗ trợ chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát TTHC).

- 0: Chưa gửi báo cáo (Tại thời điểm hoàn chỉnh báo cáo).

PHỤ LỤC 4**Tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã Năm 2023 trên hệ thống Báo cáo Chính phủ**

(Kèm theo Báo cáo số 1222/BC-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

I. SỐ LIỆU TỔNG CỦA TỪNG CẤP

Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn trong kỳ (bao gồm hồ sơ đã xử lý và đang xử lý) = Tổng số hồ sơ đã xử lý và đang xử lý trước hạn, đúng hạn và trong hạn trong kỳ/Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trong kỳ * 100% (Công thức theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG = 1+2+3	1.143.444	698.388	433.720	11.336	1.134.044	364.856	760.560	8.628	9.400	9.272	128	1.134.688	99,23%
1	CẤP TỈNH	194.730	111.446	81.959	1.325	192.348	56.644	135.678	26	2.382	2.345	37	194.667	99,97%
2	CẤP HUYỆN	272.450	160.152	102.373	9.925	265.572	85.640	171.524	8.408	6.878	6.787	91	263.951	96,88%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
3	CẤP XÃ	676.264	426.790	249.388	86	676.124	222.572	453.358	194	140	140	-	676.070	99,97%
4	CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỤC	5.142.958	3.665.678	1.453.345	23.935	5.123.526	1.809.793	3.313.385	348	14.949	14.949	0	5.138.127	100%

II. CHI TIẾT CẤP TỈNH

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4)+ (5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)= (8)+ (9)+ (12)	(15)= (14)/ (3)
	TỔNG	194.730	111.446	81.959	1.325	192.348	56.644	135.678	26	2.382	2.345	37	194.667	100%
1	Sở Giao thông Vận tải	101.051	29.948	71.103	-	101.051	-	101.051	-	-	-	-	101.051	100%
2	Sở Công thương	34.428	34.258	3	167	34.364	34.361	2	1	64	64	-	34.427	100%
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	26.501	26.483	-	18	26.445	567	25.875	3	56	56	-	26.498	100%
4	Sở Tư pháp	15.203	7.675	7.238	290	14.648	14.645	-	3	555	555	-	15.200	100%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	6.506	5.637	544	325	6.096	1.596	4.500	-	410	410	-	6.506	100%
6	Sở Y tế	3.299	2.570	583	146	3.116	-	3.109	7	183	183	-	3.292	100%
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	1.722	1.669	33	20	1.687	1.687	-	-	35	35	-	1.722	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4)+ (5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)= (8)+ (9)+ (12)	(15)= (14)/ (3)
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.612	1.158	297	157	1.584	1.580	-	4	28	28	-	1.608	99,8%
9	Sở Nội vụ	1.553	566	978	9	701	536	165	-	852	852	-	1.553	100%
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	994	27	909	58	915	-	910	5	79	42	37	952	95,8%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	693	685	1	7	687	685	-	2	6	6	-	691	100%
12	Sở Xây dựng	523	239	168	116	418	418	-	-	105	105	-	523	100%
13	Sở Tài chính	147	146	-	1	147	146	-	1	-	-	-	146	99%
14	Sở Ngoại vụ	119	119	-	-	119	94	25	-	-	-	-	119	100%
15	Sở Khoa học và Công nghệ	116	113	-	3	112	112	-	-	4	4	-	116	100%
16	Sở Thông tin và truyền thông	90	85	1	4	86	83	3	-	4	4	-	90	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4)+ (5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)= (8)+ (9)+ (12)	(15)= (14)/ (3)
17	Ban quản lý Khu kinh tế	89	68	17	4	88	88	-	-	1	1	-	89	100%
18	Thanh tra tỉnh	84	-	84	-	84	46	38	-	-	-	-	84	100%

III. CHI TIẾT CẤP HUYỆN

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4)+ (5)+ (6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9)+ (10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+ (13)	(12)	(13)	(14)= (8)+ (9)+ (12)	(15)= (14)/ (3)
	TỔNG	272.450	160.152	102.373	9.925	265.572	85.640	171.524	8.408	6.878	6.787	91	263951	96,9%
1	TP. Long Xuyên	41.631	22.816	17.651	1.164	40.518	20.737	19.571	210	1.113	1.105	8	41413	99,5%
2	Huyện Tịnh Biên	33.801	27.554	3.688	2.559	32.854	8.612	23.474	768	947	947	-	33033	98%
3	Huyện Chợ Mới	33.793	21.685	10.315	1.793	33.283	16.490	11.292	5.501	510	458	52	28240	83,6%
4	Huyện Tri Tôn	27.192	12.393	14.530	269	26.702	402	26.300	-	490	490	-	27192	100%
5	Huyện Châu Phú	24.923	22.629	1.727	567	23.884	19.169	3.739	976	1.039	1.039	-	23947	96,1%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4)+ (5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)= (8)+(9)+ (12)	(15)= (14)/ (3)
6	Thị xã Tân Châu	20.977	6.131	13.953	893	19.935	8.593	11.342	-	1.042	1.042	-	20977	100%
7	Huyện Phú Tân	20.914	19.638	870	406	20.509	2.198	18.011	300	405	392	13	20601	98,5%
8	Huyện Thoại Sơn	18.664	1.586	15.564	1.514	18.047	-	18.047	-	617	617	-	18664	100%
9	TP. Châu Đốc	17.493	3.824	13.339	330	17.224	69	17.155	-	269	269	-	17493	100%
10	Huyện An Phú	17.005	10.964	5.611	430	16.798	1.050	15.547	201	207	194	13	16791	98,7%
11	Huyện Châu Thành	16.057	10.932	5.125	-	15.818	8.320	7.046	452	239	234	5	15600	97%

IV. CHI TIẾT CẤP XÃ

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9)+(12)	(15)=(14)/ (3)
	TỔNG	676.264	426.790	249.388	86	676.124	222.572	453.358	194	140	140	-	676070	99,97%
1	Huyện Chợ Mới	92.086	73.615	18.471	-	92.086	33.907	58.144	35	-	-	-	92051	100%
2	TP. Long Xuyên	89.548	45.833	43.715	-	89.537	6.534	82.947	56	11	11	-	89492	99,94%
3	Huyện Tri Tôn	85.668	25.417	60.246	5	85.668	17.029	68.631	8	-	-	-	85660	100%
4	Huyện Tịnh Biên	84.194	61.635	22.556	3	84.194	32.986	51.177	31	-	-	-	84163	100%
5	Huyện Châu Phú	68.697	34.416	34.281	-	68.640	21.140	47.485	15	57	57	-	68682	99,98%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9)+(12)	(15)=(14)/ (3)
6	Huyện Thoại Sơn	57.562	37.217	20.340	5	57.562	13.407	44.155	-	-	-	-	57562	100%
7	Thị xã Tân Châu	52.522	29.400	23.108	14	52.480	4.062	48.412	6	42	42	-	52516	99,99%
8	Huyện Phú Tân	50.958	45.508	5.393	57	50.958	46.292	4.648	18	-	-	-	50940	99,96%
9	Huyện Châu Thành	37.005	30.275	6.730	-	37.005	9.161	27.828	16	-	-	-	36989	100%
10	Huyện An Phú	31.692	27.549	4.143	-	31.662	25.388	6.274	-	30	30	-	31692	100%
11	TP. Châu Đốc	26.332	15.925	10.405	2	26.332	12.666	13.657	9	-	-	-	26323	100%

V. CHI TIẾT NGÀNH DỤC

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	5.142.958	3.665.678	1.453.345	23.935	5.123.526	1.809.793	3.313.385	348	14.949	14.949	-	5.138.127	100%
1	Công an tỉnh An Giang	1.984.215	798.717	1.179.149	6.349	1.979.612	1.300	1.978.312	-	120	120	-	1.979.732	100%
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang	1.840.485	1.691.071	132.047	17.367	1.825.957	1.671.417	154.540	-	14.528	14.528	-	1.840.485	100%
3	Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang	1.030.980	1.013.319	17.661	-	1.030.980	102.315	928.318	347	-	-	-	1.030.633	100%
4	Cục Thuế tỉnh An Giang	216.586	122.139	94.228	219	216.285	34.761	181.523	1	301	301	-	216.585	100%
5	Cục Hải quan tỉnh An Giang	70.692	40.432	30.260	-	70.692	-	70.692	-	-	-	-	70.692	100%
6	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang	-				-				-			-	0%
7	Ngân hàng phát triển Việt Nam chi	-				-				-			-	0%

